

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN CHÂU Á**

BIÊN BẢN GHI NHỚ ĐOÀN ĐÁNH GIÁ

KHOẢN VAY 2968-VIE: DỰ ÁN HỖ TRỢ NÔNG NGHIỆP CÁC BON THẤP

Từ ngày 22 đến ngày 28 tháng 4 năm 2017

I. GIỚI THIỆU

1. Ngày 12 tháng 12 năm 2012, ADB đã phê duyệt khoản vay với tổng số vốn 48,170,000 SDR (tương đương với 74.000.000 USD) cho nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đối với Dự án Hỗ trợ Nông nghiệp Các bon thấp (Dự án LCASP). Hiệp định Vay được ký kết vào ngày 7 tháng 3 năm 2013, có hiệu lực vào ngày 5 tháng 6 năm 2013 và sẽ đóng tài khoản vay vào ngày 30 tháng 6/2019.

2. Tác động dự kiến của Dự án là giảm ô nhiễm môi trường do chất thải nông nghiệp, với chất lượng nước tốt hơn do giảm chất thải chăn nuôi. Kết quả dự kiến là gia tăng tác động của Quản lý toàn diện chất thải nông nghiệp (ứng dụng sản xuất nông nghiệp các bon thấp), với việc gia tăng sử dụng năng lượng Khí sinh học (KSH) sạch và phân bón hữu cơ. Để đạt được kết quả này, các đầu ra của Dự án là (i) Quản lý chất thải chăn nuôi; (ii) Tín dụng cho các chuỗi giá trị sinh học; (iii) Chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp và (iv) Quản lý dự án hiệu quả. Việc thực hiện các hợp phần và tiểu hợp phần đang được thực hiện thông qua cơ quan chủ quản (EA), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (MARD) do Ban Quản lý Dự án Trung Ương (Ban QLDA Trung ương) thuộc Ban Quản lý các Dự án Nông nghiệp (APMB) và 12 cơ quan thực hiện (IAs) bao gồm các Ủy ban Nhân dân tỉnh của 10 tỉnh tham gia dự án (Bắc Giang, Bến Tre, Bình Định, Hà Tĩnh, Lào Cai, Nam Định, Sóc Trăng, Sơn La và Tiền Giang) và 2 định chế tài chính (Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - VBARD và Ngân hàng Hợp tác Việt Nam – Co-opBank).

3. Đoàn đánh giá giữa kỳ (MTR) đã thực hiện đánh giá dự án từ ngày 12 đến ngày 30 tháng 9 năm 2016, qua đó ADB và Chính phủ Việt Nam đã thống nhất một số thay đổi của dự án bao gồm (i) bổ sung phạm vi tín dụng trong Hợp phần 2 vào “Tín dụng cho các chuỗi giá trị khí sinh học và đầu tư quản lý chất thải nông nghiệp thân thiện với môi trường”; và (ii) Bổ sung Ngân hàng Chính sách Xã hội (VBSP) là một định chế tài chính tham gia Hợp phần 2 của Dự án. Việc phê duyệt các khuyến nghị của Đoàn đánh giá giữa kỳ của ADB bị trì hoãn khá lâu do các yêu cầu nội bộ kiểm tra việc bổ sung VBSP là một định chế tài chính tham gia dự án. ADB đã phê duyệt các khuyến nghị của Đoàn đánh giá giữa kỳ và thông báo tới CPMU vào ngày 24 tháng 2 năm 2017.

4. Đoàn đánh giá của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)¹ đã tới Việt Nam từ ngày 22 tới ngày 28 tháng 4 năm 2017 để làm việc với Chính phủ Việt Nam nhằm (i) rà soát tiến độ thực hiện tổng thể dự án; (ii) rà soát sự tuân thủ các hiệp định vốn vay và Khung Giám sát và Thiết kế dự án cập nhật; (iii) rà soát việc thực hiện các hoạt động được kiến nghị từ đoàn Đánh giá giữa kỳ; (iv) giải quyết các vấn đề còn tồn đọng; (v) cập nhật kế hoạch thực hiện chi tiết với kế hoạch trao thầu và giải ngân vốn vay ADB và vốn đối ứng cho các hoạt động chính của CPMU và các PPMU; và (vi) đi thực địa một số công trình khí sinh học của dự án.

¹ Đoàn Đánh giá bao gồm Ông Sanath Ranawana, Chuyên gia cao cấp kinh tế tài nguyên thiên nhiên (Trưởng đoàn), Bà Trương Thị Minh Huệ, Trợ lý Chuyên viên phân tích dự án, Bà Đỗ Thị Huyền, Tư vấn viên (Môi trường), Bà Trần Thúy Hải, Tư vấn viên (Giới) và Bà Phạm Ánh Tuyết, Tư vấn viên (An toàn xã hội).

5. Đoàn công tác đã gặp các đại diện của (i) Cơ quan chủ quản; (ii) 10 cơ quan thực hiện của các Tỉnh thuộc dự án; (iii) các đơn vị thuộc MARD (Vụ Hợp tác Quốc tế; Vụ tài chính; Cục Chăn nuôi; Cục Kinh tế hợp tác, Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường). Danh sách những người đã gặp và tham dự cuộc họp tổng kết được trình bày trong Phụ lục 1.

6. Biên bản ghi nhớ này của Đoàn công tác được thảo luận trong cuộc họp tổng kết vào ngày 5 tháng 5 năm 2017 nhằm tổng hợp các phát hiện và các hoạt động được thông qua. Cuộc họp được chủ trì bởi ông Chu Văn Chương, Vụ Phó Vụ Hợp tác Quốc tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

II. RÀ SOÁT TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỰ ÁN

A. Tiến độ chung

7. **Các hoạt động tiếp theo đã được thống nhất từ Đoàn đánh giá giữa kỳ:** Các hoạt động đã được thống nhất và tình hình triển khai các hoạt động này được trình bày trong Bảng 1. Trong tổng số 38 hoạt động tiếp theo được thống nhất, 22 hoạt động đã hoàn thành, 11 hoạt động đang thực hiện, 5 hoạt động đang trong quá trình chuẩn bị hoặc chưa thực hiện. Tuy nhiên, trong số các hoạt động đã hoàn thành, Đoàn ghi nhận rằng cần phải làm rõ hơn và điều này được ghi tại cột cuối cùng của bảng.

Bảng 1: Tình hình thực hiện các hoạt động tiếp theo được thống nhất từ Đoàn đánh giá trước

| TT | Vấn đề | Hoạt động được thống nhất | Khung thời gian | Đơn vị chịu trách nhiệm | Tình trạng/Ghi chú |
|----|---|--|-----------------|-------------------------|---|
| 1 | Hợp phần 1: Hạ tầng Quản lý chất thải chăn nuôi | (i) CPMU ước lượng số lượng thực tế của đối tượng hưởng lợi cho khoản Hỗ trợ Phát triển thị trường Carbon (ICMD) bổ sung từ PPMU và xây dựng quy trình đánh giá tính hợp lệ (Đoạn 12). | Tháng 12/2016 | CPMU | Đã thực hiện; tuy nhiên PPMUs không thể trình bày chi tiết một cách rõ ràng. |
| | | (ii) Chính sửa các tiêu chí hợp lệ để nhận hỗ trợ ICMD cho công trình KSH quy mô vừa (Đoạn 13) và thông báo cho các PPMU về quyết định ngừng hỗ trợ ICMD cho các công trình KSH quy mô lớn (Đoạn 14) | Tháng 3/2017 | CPMU | Đã thực hiện; tuy nhiên PPMUs chưa hiểu rõ phương thức thúc đẩy các giải pháp toàn diện cho người sử dụng MBP. |
| | | (iii) Phát triển mối liên kết giữa người hưởng lợi được hỗ trợ trong Hợp phần 1 và Hợp phần 3 (đoạn 13) | Tháng 3/2017 | CPMU | Đã thực hiện. Mối liên kết đã được phát triển để hỗ trợ cho gói thầu bổ sung về máy phát điện. Tuy nhiên cần nỗ lực hơn nữa để PPMUs hiểu rõ về mối liên hệ giữa Hợp phần 1 |

| TT | Vấn đề | Hoạt động được thống nhất | Khung thời gian | Đơn vị chịu trách nhiệm | Tình trạng/Ghi chú |
|----|--|---|---|-----------------------------|---|
| | | | | | và 3. |
| | | (iv) Hỗ trợ NBP đạt được tín chỉ CER cho các công trình KSH được hỗ trợ bởi Dự án (Đoạn 23) | Tiếp tục thực hiện cho tới khi kết thúc Dự án | CPMU | Đang thực hiện Hợp với SNV/BP để chuẩn bị kế hoạch làm việc chung. |
| | | (v) Sửa đổi quy trình và mẫu kiểm tra ngẫu nhiên đối với công trình KSH bao gồm các chỉ tiêu đánh giá môi trường và báo cáo (Đoạn 19) | Tháng 3/2017 | CPMU | Đang thực hiện LIC đang hoàn thiện bản dự thảo |
| 2 | Hợp phần 2: Tín dụng cho chuỗi giá trị khí sinh học và các hạng mục đầu tư quản lý chất thải chăn nuôi các bon thấp khác | (i) Yêu cầu Ngân hàng Nhà nước (SBV) đánh giá tính hợp lệ của Ngân hàng Chính sách Xã hội (VBSP) | Tháng 10/2016 | CPMU | Đã thực hiện |
| | | (ii) Theo dõi tiến độ đánh giá của Bộ tài chính (MOF) về báo cáo đánh giá của Ngân hàng nhà nước | Tháng 11/2016 | CPMU | Đang thực hiện |
| | | (iii) Dự thảo hiệp định vay giữa ADB và VBSP | Tháng 12/2016 | ADB, VBSP | Đang chuẩn bị |
| | | (iv) Hiệp định vay lại giữa MOF và VBSP | Tháng 12/2016 | MOF, VBSP | Đang chuẩn bị |
| | | (v) Xây dựng kế hoạch thực hiện chi tiết khoản vay cho quý 2 và quý 3 năm 2017 | Tháng 3/2017 | Các định chế tài chính (FI) | Đang chuẩn bị |
| 3 | Hợp phần 3: Chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp | (i) Không phản đối cho Đề trình 0 của các gói nghiên cứu | Tháng 9/2016 | ADB | Đã thực hiện đối với gói thầu số 25-28 Gói 29: Đã trình ADB yêu cầu lần thứ 6 đối với Hồ sơ đề trình lần 0 |
| | | (ii) Trao thầu các gói nghiên cứu | Tháng 7/2017 | CPMU và ADB | Đang thực hiện Gói 25: đang yêu cầu đề xuất Gói 26: MARD đã phê duyệt Hồ sơ đề trình lần 1 Gói 27-28: ADB đã gửi thư không phản đối Hồ sơ đề trình lần 1 |
| | | (iii) Giải trình các lợi ích tham gia các mô hình | Tháng 10/2016 | CPMU, PPMU và LIC | Đã thực hiện |

| TT | Vấn đề | Hoạt động được thống nhất | Khung thời gian | Đơn vị chịu trách nhiệm | Tình trạng/Ghi chú |
|----|---|--|-----------------|-------------------------|---|
| | | (iv) Cập nhật kế hoạch đấu thầu điều chỉnh bao gồm rà soát lại các gói mô hình để cung cấp những biện pháp can thiệp phù hợp nhằm đảm bảo đây là những mô hình thực hành tốt về ứng dụng sản xuất nông nghiệp các bon thấp | Tháng 11/2016 | CPMU | Chưa thực hiện Dự kiến cập nhật kế hoạch đấu thầu sau Đoàn đánh giá này |
| | | (v) Cập nhật kế hoạch đào tạo (và ngân sách tương ứng) để giải trình rõ sự cần thiết và mối liên hệ giữa nghiên cứu, mô hình và các hoạt động đào tạo. | Tháng 10/2016 | CPMU, LIC | Đã thực hiện |
| | | (vi) Cập nhật kế hoạch đào tạo tổng thể chỉ rõ sự cần thiết của các hoạt động đào tạo, liên kết với nghiên cứu, mô hình và xác định nhóm mục tiêu và ngân sách tương ứng. | Tháng 12/2016 | CPMU | Đã thực hiện |
| 4 | Hợp phần 4: Quản lý Dự án | (i) Trả lời các góp ý của ADB về báo cáo kiểm toán và kế hoạch hoạt động | 30/9/2016 | CPMU, 2 FI | Đã thực hiện |
| | | (ii) Huy động tư vấn kiểm tra đánh giá chuỗi giá trị khí sinh học | Tháng 6 2017 | CPMU và ADB | Đang thực hiện |
| | | (iii) Đăng tải cơ sở dữ liệu về điều tra cơ bản trên website của Dự án | Tháng 11/2016 | CPMU | Đã thực hiện |
| | | (iv) Đánh giá nhu cầu mua sắm phần mềm M&E | Tháng 11/2016 | LIC | Đã thực hiện |
| | | (v) Thiết lập hệ thống M&E sử dụng cơ sở dữ liệu điều tra cơ bản | Tháng 1/2017 | LIC | Đã thực hiện |
| | Những khuyến nghị về an toàn môi trường | (i) Cải thiện chất lượng báo cáo về an toàn môi trường trong các báo cáo dự án định kỳ tiếp theo | Tháng 1/2017 | CPMU/ LIC | Đã thực hiện |
| | | (ii) Báo cáo giám sát nội bộ về an toàn môi trường được gửi ADB 2 lần/năm | Tháng 12/2016 | CPMU/ LIC | Đã thực hiện |
| | | (iii) Rà soát lại EMP với các biện pháp giảm thiểu cụ thể | Tháng 11/2016 | LIC | Đã thực hiện |
| | | (iv) Chỉ định cán bộ đầu mối môi trường ở PPMU | Tháng 11/2016 | CPMU | Đã thực hiện |
| | | (v) Thành lập bộ phận quản lý môi trường ở CPMU | Tháng 11/2016 | CPMU | Đã thực hiện |
| | | (vi) Thực hiện đánh giá nhanh môi trường và sàng lọc môi trường cho MBP và LBP để tránh những tác động tiêu cực đến môi trường | Tháng 12/2016 | PPMU/L IC | Đang thực hiện |
| | | (vii) Thực hiện IEE cho các MBP/LBP thuộc hạng mục B với EMP cụ thể để giảm thiểu tác động | Tháng 12/2016 | PPMU/L IC | Đang thực hiện |
| | | (viii) Tổ chức đào tạo cho PPMUs về an toàn môi trường | Tháng 3/2017 | CPMU/ LIC | Chưa thực hiện |
| 6 | Những | (i) Huy động tư vấn giới và DTTS | Tháng | CPMU/ | Đã thực hiện |

| TT | Vấn đề | Hoạt động được thống nhất | Khung thời gian | Đơn vị chịu trách nhiệm | Tình trạng/Ghi chú |
|----|--|--|----------------------------------|-------------------------|--------------------|
| | khuyến nghị về Dân tộc thiểu số | thuộc LIC để hỗ trợ CPMU và PPMU thực hiện IPDP bao gồm các hoạt động giám sát và báo cáo | 10/2016 | LIC | |
| | | (ii) Báo cáo giám sát nội bộ 2 lần/năm về thực hiện IPDP trong năm 2016 sẽ được trình ADB và đăng tải trên website ADB | Tháng 12/2016 | CPMU/LIC | Đã thực hiện |
| | | (iii) Tăng cường thông tin tuyên truyền tới các thôn bản để có sự tham gia sâu rộng hơn của người dân tộc thiểu số ở các tỉnh (Sơn La, Bắc Giang, Sóc Trăng, Lào Cai, Phú Thọ và Hà Tĩnh) | Tiếp tục thực hiện đến hết dự án | PPMU | Đang thực hiện |
| | | (iv) CPMU và LIC giới thiệu lại các quy định trong IPDP tới 7 tỉnh nói trên (cho cán bộ PPMU, chính quyền địa phương, các cơ quan đoàn thể) để thực hiện IPDP tại khu vực | Tháng 12/2016 | CPMU/LIC | Đã thực hiện |
| 7 | Những khuyến nghị về Kế hoạch Hành động Giới (GAP) | (i) CPMU và PPMU tiến hành tập huấn nâng cao nhận thức về giới và tóm tắt GAP cho cán bộ chủ chốt của Dự án (ít nhất là điều phối viên, cán bộ đầu mối về giới, kỹ thuật viên như một hình thức đào tạo) | Tháng 12/2016 | CPMU, PPMU | Đã thực hiện |
| | | (ii) CPMU/PPMU hướng dẫn lại yêu cầu về báo cáo (biểu mẫu, công cụ để thu thập số liệu phân tách theo giới và các dữ liệu liên quan cho báo cáo về GAP và các chỉ số theo DMF) và báo cáo GAP được thực hiện hàng quý như một phần của báo cáo tiến độ dự án gửi ADB | Tháng 12/2016 | CPMU, PPMUs | Đã thực hiện |
| | | (iii) PPMU sẽ chủ động tìm kiếm sự tham gia của phụ nữ trong các khóa đào tạo (đăng ký nhận hỗ trợ từ dự án) và các sự kiện phổ biến thông tin, tham vấn bao gồm cả tham vấn với các nhóm phụ nữ thông qua các cuộc họp của hội phụ nữ tại địa phương nhằm đạt được các mục tiêu về GAP (bao gồm các chỉ số điều chỉnh sau đánh giá giữa kỳ) | Tiếp tục thực hiện đến hết dự án | PPMU | Đang thực hiện |
| | | (iv) Tư vấn giới của LIC sẽ hỗ trợ các PPMU thực hiện, giám sát và báo cáo về các chỉ số liên quan đến GAP | Tháng 10/2016 | LIC, PPMU | Đang thực hiện |
| 8 | Đoàn đánh giá tiếp theo | Đoàn đánh giá tiếp theo | Tháng 3/2017 | ADB | Đã thực hiện |

8. Đoàn công tác và Ban QLDA Trung ương ước tính tiến độ thực hiện tổng thể của Dự án tính đến 31/3/2017 đạt được 17,35% (**Phụ lục 2**) dựa trên tiến độ của các hợp phần dự án trong 66% thời gian của khoản vay. Nhìn chung, Dự án đã đạt được tiến độ tốt về mặt đáp ứng các mục tiêu ban đầu ở các mức độ tác động và kết quả.

B. Tiến độ thực hiện Dự án theo Hợp phần

Hợp phần 1: Hạ tầng Quản lý chất thải chăn nuôi

9. **Mục tiêu điều chỉnh sau MTR.** Các chỉ số thực hiện chính trong hợp phần này gồm: (i) 65.000 công trình khí sinh học quy mô nhỏ, 40 công trình khí sinh học quy mô vừa và 2 công trình khí sinh học quy mô lớn và cơ sở hạ tầng chuỗi giá trị đi kèm được xây dựng và vận hành tới tháng 6 năm 2019. Tối thiểu 5% tổng số công trình khí sinh học quy mô nhỏ sẽ được xây dựng cho dân tộc thiểu số tại các Tỉnh dự án; (ii) Hỗ trợ tài chính ICMD được chuyển đầy đủ vào tối thiểu 65.042 tài khoản của người hưởng lợi tới tháng 6 năm 2019; (iii) 65.000 người sử dụng công trình khí sinh học quy mô nhỏ, 500 thợ xây, 500 kỹ thuật viên, 28 kỹ sư và 10 nhà thầu được đào tạo tới tháng 6 năm 2019. Tối thiểu 50% học viên về sử dụng khí sinh học là phụ nữ; 7% học viên về xây dựng công trình khí sinh học quy mô nhỏ, và 20% học viên được đào tạo về quản lý khí sinh học và các vấn đề kỹ thuật là phụ nữ; và (iv) Một cơ sở dữ liệu công trình khí sinh học duy nhất được quản lý hiệu quả tới năm 2017, bao gồm việc đăng ký dưới tên cả vợ và chồng.

10. **Tiến độ: Công trình khí sinh học quy mô nhỏ (SBP).** Tính đến ngày 31/3/2017, 45.869 SBP đã được xây dựng, trong đó 3.135 SBP được xây dựng cho dân tộc thiểu số tại các Tỉnh dự án đạt 6,83%. Khoản hỗ trợ tài chính (3 triệu VND/người hưởng lợi) đã được chuyển tới 41.962 tài khoản của người hưởng lợi. Chưa có công trình khí sinh học quy mô nhỏ nào được hỗ trợ theo mục tiêu bổ sung thêm 14.000 công trình khí sinh học quy mô nhỏ đã được thống nhất trong Đoàn đánh giá giữa kỳ do việc hướng dẫn PPMU về việc tăng số tiền hỗ trợ ICMD và tiêu chí lựa chọn người hưởng lợi mới được thông báo đến PPMU vào ngày 12/4/2017². CPMU không thể ban hành hướng dẫn khi chưa có sự phê duyệt chính thức của các cơ quan có thẩm quyền của ADB và Chính phủ về các khuyến nghị của Đoàn đánh giá giữa kỳ.

11. **Các phát hiện.** Đoàn đã tới thăm các hộ dân đã lắp đặt công trình khí sinh học quy mô nhỏ tại Tỉnh Sóc Trăng và Sơn La và ghi nhận rằng các công trình này đã có tác động tích cực đến môi trường sinh học cũng như điều kiện kinh tế xã hội của hộ dân. Tuy nhiên có một số vấn đề như sau: (i) kích thước của hầm khí sinh học quy mô nhỏ được xây dựng tại một số hộ quá nhỏ so với lượng chất thải, dẫn đến tình trạng quá tải và gây hư hỏng công trình khí sinh học. (ii) Một số đối tượng hưởng lợi tiềm năng, đặc biệt là các hộ nghèo, mong muốn được tham gia vào cả Hợp phần 1 và Hợp phần 2 của dự án vì họ không có đủ tài chính để xây dựng công trình khí sinh học quy mô nhỏ; (iii) Một số nhà cung cấp bể KSH composite đã không bảo hành kịp thời khi bể không hoạt động, gây ra sự không hài lòng cho những người hưởng lợi; (iv) Một số tỉnh (Bắc Giang, Nam Định, Hà Tĩnh, Tiền Giang) gần như đã hoàn thành mục tiêu xây dựng SBP với khoản hỗ trợ ICMD là 3 triệu VND/SBP, tuy nhiên số người hưởng lợi theo tiêu chí mới ở các tỉnh này lại rất hạn chế.

12. **Công trình khí sinh học quy mô vừa (MBP) và Công trình khí sinh học quy mô lớn (LBP).** Tính đến ngày 31/3/2017, 8 MBP³ tại tỉnh Phú Thọ và tỉnh Hà Tĩnh, và 2 LBP⁴ tại tỉnh

² Khoản hỗ trợ ICMD tăng lên 5 triệu VND/ người hưởng lợi nếu hộ dân đáp ứng ít nhất một trong những tiêu chí sau:: (i) được phân loại là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg (ngày 19/11/2015) về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020; (ii) hộ gia đình có phụ nữ là trụ cột; và (iii) là hộ gia đình dân tộc thiểu số.

³ MBP: từ 51 – 499 mét khối.

Nam Định đã được xây dựng, trong đó đã hỗ trợ ICMD cho 6 người hưởng lợi. Đoàn công tác nhấn mạnh rằng từ ngày 12/4/2017, để có thể nhận được khoản hỗ trợ 50 triệu VND, người sử dụng MBP phải cam kết sử dụng toàn bộ khí gas sản xuất ra và có đánh giá nhanh về môi trường. Tuy nhiên một vài PPMU dường như chưa hiểu rõ làm thế nào để khuyến khích người sử dụng MBP đảm bảo việc sử dụng triệt để khí sinh học.

⁴ LBP: từ 500 mét khối trở lên.

Bảng 2: Hiện trạng xây lắp công trình khí sinh học theo tỉnh (tính đến 31/3/2017)

| TT | Tỉnh | Công trình khí sinh học được xây dựng | | | | | | | Nguồn vốn ICMD đã hỗ trợ |
|----|-------------|---------------------------------------|----------|----------|---------------|-------------|------------------|--------------|--------------------------|
| | | Nhỏ | Vừa | Lớn | Tổng | Tỷ lệ | Dân tộc thiểu số | Tỷ lệ | |
| 0 | CPMU | | | | | | | | |
| 1 | Lào Cai | 2.314 | | | 2.314 | 5,0% | 854 | 1,86% | 2.067 |
| 2 | Sơn La | 1.879 | | | 1.879 | 4,1% | 925 | 2,02% | 1.849 |
| 3 | Phú Thọ | 8.312 | 4 | | 8.316 | 18,1% | 115 | | 6.573 |
| 4 | Bắc Giang | 7.245 | | | 7.245 | 15,8% | 394 | 0,86% | 7.000 |
| 5 | Nam Định | 4.233 | | 2 | 4.235 | 9,2% | | | 4.102 |
| 6 | Hà Tĩnh | 4.843 | 4 | | 4.847 | 10,6% | | | 4.352 |
| 7 | Bình Định | 7.002 | | | 7.002 | 15,3% | | | 6.668 |
| 8 | Tiền Giang | 2.629 | | | 2.629 | 5,7% | | | 2.488 |
| 9 | Bến Tre | 4.734 | | | 4.734 | 10,3% | | | 4.395 |
| 10 | Sóc Trăng | 2.678 | | | 2.678 | 5,8% | 847 | 1,85% | 2.468 |
| | Tổng | 45.869 | 8 | 2 | 45.879 | 100% | 3.135 | 6,83% | 41.962 |

13. **Tập huấn về biogas:** Dự án đã đào tạo được 46.716 người sử dụng công trình khí sinh học quy mô nhỏ (16.433 người sử dụng SBP là nữ, chiếm 35,20%), 375 thợ xây (19 thợ xây là nữ, chiếm 5,07%), 1.180 kỹ thuật viên (277 kỹ thuật viên là nữ, chiếm 23,47%), 28 kỹ sư và 10 nhà thầu. Dự án cũng đã phát hành (i) sổ tay hướng dẫn xây dựng/lắp đặt công trình khí sinh học quy mô nhỏ; (ii) sổ tay hướng dẫn vận hành công trình khí sinh học quy mô nhỏ; (iii) sổ tay hướng dẫn xây dựng/lắp đặt công trình khí sinh học HDPE quy mô vừa và lớn; (iv) sổ tay hướng dẫn vận hành công trình khí sinh học HDPE quy mô vừa và lớn; (v) một sách hướng dẫn xây dựng công trình KSH cỡ vừa dạng vòm cố định. Tổng cộng dự án đã tổ chức 1.730 khóa tập huấn.

Bảng 3: Đào tạo người sử dụng, thợ xây, kỹ thuật viên, kỹ sư và nhà thầu (tính đến 31/3/2017)

| TT | Tỉnh | Đào tạo người sử dụng, thợ xây, kỹ thuật viên, kỹ sư và nhà thầu (Hợp phần 1) | | | | | | | | |
|----|--------------|---|---------------------|------------|---------------|---------------|--|-----------|-------------|-----------|
| | | Người sử dụng | Người sử dụng là nữ | Thợ xây | Thợ xây là nữ | Kỹ thuật viên | Phụ nữ tham gia quản lý và các vấn đề kỹ thuật | Kỹ sư | Kỹ sư là nữ | Nhà thầu |
| 0 | CPMU | | | | | 681 | 178 | 28 | 4 | 10 |
| 1 | Lào Cai | 2.303 | 506 | 49 | 4 | 27 | 7 | | | |
| 2 | Sơn La | 1.627 | 461 | 29 | 0 | 53 | 11 | | | |
| 3 | Phú Thọ | 7.248 | 2.838 | 41 | 6 | 107 | 33 | | | |
| 4 | Bắc Giang | 7.000 | 1.599 | 19 | 1 | 43 | 11 | | | |
| 5 | Nam Định | 3.977 | 1.624 | 0 | 0 | 40 | 8 | | | |
| 6 | Hà Tĩnh | 6.007 | 2.715 | 93 | 2 | 56 | 14 | | | |
| 7 | Bình Định | 6.860 | 3.103 | 25 | 0 | 53 | 8 | | | |
| 8 | Tiền Giang | 2.604 | 1.061 | 34 | 0 | 25 | 4 | | | |
| 9 | Bến Tre | 5.987 | 1.754 | 28 | 5 | 22 | 1 | | | |
| 10 | Sóc Trăng | 3.103 | 782 | 57 | 1 | 73 | 2 | | | |
| | Tổng | 46.716 | 16.443 | 375 | 19 | 1.180 | 277 | 28 | 4 | 10 |
| | Tỷ lệ | | 35,20% | | 5,07% | | 23,47% | | | |

14. **Cơ sở dữ liệu Khí sinh học Quốc gia:** Đoàn ghi nhận rằng tính đến 31/3/2017, cơ sở dữ liệu khí sinh học Quốc gia đã được thiết lập; phần mềm dữ liệu công trình khí sinh học đã được mua sắm. 31.772 công trình khí sinh học thuộc dự án đã được nhập vào cơ sở dữ liệu với 24.844 công trình khí sinh học được nhập dưới tên của cả vợ và chồng. Tuy nhiên, trong quá trình nhập dữ liệu đã xảy ra một số lỗi như không thể lưu dữ liệu sau khi nhập.

15. **Giám sát môi trường chăn nuôi và thiết bị quản lý cơ sở dữ liệu khí sinh học.** ADB đã có thư không phản đối Hồ sơ mời thầu gói thầu số 14 vào ngày 18/11/2016. CPMU đã trình APMB Hồ sơ mời thầu gói thầu này vào tháng 01/2017, tuy nhiên cho đến nay, APMB vẫn chưa phê duyệt để phát hành Hồ sơ mời thầu. Gói thầu này cần phải tiến hành mua sắm càng sớm càng tốt để cung cấp thiết bị cho các Tỉnh để tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra các công trình khí sinh học với thiết bị giám sát môi trường.

16. **Hành động cần thực hiện**

- (i) **SBP.** (i) Tập huấn cho người sử dụng SBP nên bao gồm các nội dung từ quản lý đến kỹ thuật như tình trạng quá tải của SBP hoặc dư thừa khí gas kết hợp thực hành trình diễn nhỏ. (ii) PPMU nên tham vấn các hộ dân tiềm năng xem họ có nhu cầu vay tín dụng từ Hợp phần 2 hay không. (iii) PPMU nên liên hệ với các nhà cung cấp SBP loại composite đã được phê duyệt để đảm bảo rằng họ cung cấp đúng mẫu SBP cho hộ dân với kế hoạch bảo trì tốt; (iv) CPMU và mỗi PPMU nên đánh giá mục tiêu cung cấp khoản hỗ trợ ICMD 3 triệu VND và 5 triệu VND và xác định xem có thể đạt được các mục tiêu tương ứng là 51.000 công trình và 14.000 công trình hay không.
- (ii) **MBP.** CPMU và PPMU cần xây dựng hướng dẫn cụ thể để thông báo cho những người sử dụng MBP về các điều kiện (như cam kết sử dụng toàn bộ khí do công trình khí sinh học sinh ra và thực hiện đánh giá nhanh về môi trường), để họ có thể nhận được khoản hỗ trợ ICMD. Ngoài ra, người sử dụng MBP phải được hỗ trợ kỹ thuật về thiết kế các giải pháp để đáp ứng các điều kiện này.
- (iii) **Cơ sở dữ liệu công trình khí sinh học Quốc gia.** CPMU liên hệ với nhà cung cấp phần mềm để sửa lỗi phần mềm sớm nhất có thể.
- (iv) **Gói thầu số 14.** APMB sẽ phê duyệt Hồ sơ mời thầu gói thầu này. Sau đó CPMU đẩy nhanh tiến độ đấu thầu để có thể trao thầu vào tháng 7/2017.

Hợp phần 2: Tín dụng cho chuỗi giá trị khí sinh học (BVC) và các hạng mục quản lý chất thải nông nghiệp các bon thấp khác

17. **Mục tiêu sửa đổi sau Đánh giá giữa kỳ (ĐGGK).** Các chỉ số chất lượng thực hiện chính cho hợp phần này là: (i) 50% người nhận tín dụng được đăng ký theo tài khoản chung của vợ và chồng hoặc đăng ký dưới tên của phụ nữ tính đến tháng 6/2019; và (ii) ít nhất 15.000 hộ chăn nuôi được tiếp cận với tín dụng cho BVC và các khoản đầu tư khác vào quản lý chất thải nông nghiệp thông minh ứng phó với biến đổi khí hậu từ các Định chế tài chính tính đến tháng 6/2019.

18. **Tiến độ.** Cả hai định chế tài chính là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (VBARD) và Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam (Co-opbank), đều gặp khó khăn trong việc cung cấp khoản vay cho các hộ chăn nuôi. Trong số 29,817 triệu US\$, các định chế này mới chỉ giải ngân được 15 tỷ VND (tương đương với 0,667 triệu US\$) tính đến 31/3/2017 như minh họa trong Bảng 4 dưới đây.

19. **Bổ sung Ngân hàng chính sách xã hội (VBSP) vào các định chế tài chính.** Sau khi ADB ra thư không phản đối về những thay đổi trong Biên bản ghi nhớ của ĐGGK vào ngày 27/2/2017, chấp nhận bổ sung VBSP, ADB và VBSP đã làm việc với nhau để hoàn tất dự thảo

Thỏa thuận dự án để chuẩn bị ký. Hiện nay các vấn đề đã được giải quyết và Thỏa thuận dự án dự kiến sẽ được ký trong tháng 5.

Bảng 4: Tình hình hợp phần tín dụng (tính đến 31/3/2017)

| TT | Tỉnh | Tín dụng_số khoản vay | | | | | | |
|----|-------------|-----------------------|---------------------------|-----------------------|---------------------------|-------------------|---------------------------|---------------|
| | | Số khoản vay_VBARĐ | Tài khoản đứng tên phụ nữ | Số khoản vay_Coopbank | Tài khoản đứng tên phụ nữ | Tổng số khoản vay | Tài khoản đứng tên phụ nữ | Tỉ lệ % |
| 0 | CPMU | | | | | | | |
| 1 | Lao Cai | 125 | 57 | | | 125 | 57 | 45,60% |
| 2 | Son La | | | | | | | |
| 3 | Phu Tho | 5 | 0 | | | 5 | 0 | 0,00% |
| 4 | Bac Giang | 53 | 5 | 74 | 11 | 127 | 16 | 12,60% |
| 5 | Nam Dinh | | | | | | | |
| 6 | Ha Tinh | | | | | | | |
| 7 | Binh Dinh | 15 | 0 | 51 | 12 | 66 | 12 | 18,18% |
| 8 | Tien Giang | 18 | 5 | | | 18 | 5 | 27,78% |
| 9 | Ben Tre | | | | | | | |
| 10 | Soc Trang | | | | | | | |
| | Tổng | 216 | 67 | 125 | 23 | 341 | 90 | 26,39% |

20. Phái đoàn ghi nhận giá thịt lợn giảm. Điều này có thể ảnh hưởng đến các khoản tín dụng.

21. **Hành động cần thực hiện:**

- (i) ADB và VBSP hoàn tất Thỏa thuận dự án để ký kết
- (ii) CPMU tiếp tục làm việc với MOF về đánh giá của SBV đối với VBSP
- (iii) VBSP ký Hiệp định dự án với ADB, và Hiệp định cho vay lại với MOF
- (iv) VBSP lập kế hoạch cho vay cho các quý III và IV năm 2017

Hợp phần 3: Chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp (CSAWMP)

22. **Mục tiêu sửa đổi sau ĐGGK.** Các chỉ số chất lượng thực hiện chính cho hợp phần này là: (i) Xây dựng chiến lược nghiên cứu CSAWMP và tiến hành nghiên cứu về ít nhất 6 chủ đề CSAWMP tính đến tháng 6/2019. Ít nhất 2 chủ đề nghiên cứu có lồng ghép các vấn đề về giới; (ii) Ít nhất 7 mô hình CSAWMP được trình diễn thành công và phổ biến ở 10 tỉnh dự án tính đến tháng 6/2019; và (iii) Ít nhất 7.000 nông dân, 700 cán bộ khuyến nông, và 200 cán bộ nghiên cứu được đào tạo về CSAWMP tính đến tháng 6/2019. Ít nhất 50% nông dân và 30% cán bộ khuyến nông được đào tạo là phụ nữ.

23. **Tiến độ. Nghiên cứu ứng dụng dựa trên trang trại thực tế.** Trong số 6 chủ đề được duyệt trong đợt ĐGGK, ADB đã ra thư không phản đối cho Đề trình số 1: Đánh giá hồ sơ bày tỏ sự quan tâm và Danh sách ngắn 4 gói nghiên cứu (từ gói 25 đến 28). Đề trình 0: Điều khoản tham chiếu và Dự toán của Gói 29 đã được trình lên ADB xem xét sau nhiều lần trao đổi giữa ADB và EA. ADB và EA đã thống nhất hủy gói 30 sau khi EA nộp Đề trình 0: Điều khoản tham chiếu và Dự toán cho ADB xem xét vì quy mô của gói này không đóng góp trực tiếp vào các

sản phẩm, kết quả và tác động của dự án. Trong số các gói được duyệt, Đoàn đánh giá lưu ý rằng các vấn đề về giới chưa được lồng ghép trong ít nhất là 2 chủ đề nghiên cứu.

Bảng 5: Hiện trạng các gói nghiên cứu (tính đến 31/3/2017)

| Gói số | Tên gói | Dự toán (US\$) | Hiện trạng |
|--------|--|----------------|---|
| 25 | Nghiên cứu sản xuất phân hữu cơ từ chất thải chăn nuôi và phụ phẩm khí sinh học theo chuỗi giá trị | 1,200,000 | ADB đã ra thư NOL cho Đề trình số 1 |
| 26 | Nghiên cứu cải thiện công nghệ khí sinh học và sử dụng hiệu quả khí sinh học theo chuỗi giá trị | 1,000,000 | ADB đã ra thư NOL cho Đề trình số 1 |
| 27 | Nghiên cứu về công nghệ chăn nuôi lợn tiết kiệm nước | 600,000 | ADB đã ra thư NOL cho Đề trình số 1 |
| 28 | Nghiên cứu sử dụng hiệu quả chất thải trồng trọt theo chuỗi giá trị | 1,000,000 | ADB đã ra thư NOL cho Đề trình số 1 |
| 29 | Nghiên cứu xử lý bùn thải nuôi tôm ở các ao nuôi tôm | 800,000 | EA đã nộp Đề trình 0 cho ADB để xem xét |
| 30 | Nghiên cứu kỹ thuật canh tác giảm phát thải khí nhà kính | 1,018,000 | Đã hủy |

24. **Mô hình trình diễn CSAWMP.** Một hoạt động khác trong sản phẩm này là mô hình trình diễn CSAWMP. Mục tiêu của trình diễn là chứng tỏ được các phương thức quản lý chất thải nông nghiệp tốt có tiềm năng để nhân rộng trong khu vực Dự án. ADB đã ra thư không phản đối cho Hồ sơ mời thầu của gói 32 vào ngày 22/11/2016. Tuy nhiên, tính đến ngày 31/3/2017, Báo cáo đánh giá thầu của gói này vẫn chưa được nộp cho ADB để xem xét. Hồ sơ mời thầu của các gói hậu kiểm khác từ số 33 đến 38 chưa được phát hành dẫn đến chậm trễ trong tiến độ đấu thầu.

Bảng 6: Danh sách các gói trình diễn (tính đến 31/3/2017)

| Gói số | Tên gói | Tỉnh | Dự toán (US\$) | Hiện trạng |
|--------|--|---|----------------|---------------------|
| 32 | Mô hình trình diễn cung cấp thiết bị tách phân để xử lý chất thải chăn nuôi làm nguyên liệu sản xuất phân hữu cơ | Bac Giang, Ben Tre, Binh Dinh, và Phu Tho | 1,340,909 | Đã phát hành HSMT |
| 33 | Mô hình trình diễn cung cấp thiết bị tách phân để xử lý chất thải chăn nuôi làm nguyên liệu sản xuất phân hữu cơ | Ha Tinh, Nam Dinh, Soc Trang, Son La, và Tien Giang | 1,109,092 | Chưa phát hành HSMT |

| | | | | |
|----|--|--|---------|---------------------|
| 34 | Mô hình trình diễn cung cấp máy phát điện khí sinh học và máy tách phân để quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi | Binh Dinh, Ha Tinh, Nam Dinh và Soc Trang | 322,727 | Chưa phát hành HSMT |
| 35 | Mô hình trình diễn cung cấp máy tách phân di động để xử lý chất thải chăn nuôi làm nguyên liệu sản xuất phân hữu cơ ở quy mô hộ gia đình | Bac Giang, Ben Tre, Binh Dinh và Lao Cai | 477,272 | Chưa phát hành HSMT |
| 36 | Mô hình trình diễn cung cấp máy phát điện khí sinh học | Binh Dinh, Ha Tinh, Lao Cai, Soc Trang và Tien Giang | 513,637 | Chưa phát hành HSMT |
| 37 | Mô hình trình diễn cung cấp hệ thống xử lý nước thải sau hầm KSH làm phân bón cho cây trồng | Soc Trang và Binh Dinh | 204,545 | Chưa phát hành HSMT |
| 38 | Mô hình trình diễn cung cấp hệ thống xử lý phân chuồng làm nguyên liệu nuôi trùn quế | Soc Trang | 77,273 | Chưa phát hành HSMT |

25. **Hệ thống thông tin CSAWMP.** Tính đến 31/3/2017, EA đã nộp Đề trình số 2: Đánh giá đề xuất kỹ thuật Gói 14: Thiết kế, giám sát, cài đặt và chuyển giao công nghệ hệ thống thư viện điện tử cho ADB để xem xét. Hợp đồng của gói này dự kiến sẽ được trao vào Quý II năm 2017. Gói thiết bị cho hệ thống thông tin này dự kiến được thực hiện vào Quý I năm 2018.

26. **Tăng cường năng lực về CSAWMP.** Dự án đã hỗ trợ 5 chương trình dạy nghề cho nông dân (chuẩn bị giáo trình đào tạo dạy nghề cho nông dân thực hiện bởi Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn) về các chủ đề sau: (i) sản xuất phân vi sinh từ phân chuồng và chất thải từ mía; (ii) kỹ năng sửa chữa và bảo trì thiết bị khí sinh học; (iii) nuôi trùn quế quy mô nhỏ từ phân gia súc và gia cầm; (iv) sản xuất phân hữu cơ vi sinh từ phế phụ phẩm trồng trọt; và (v) sản xuất phân hữu cơ từ phân lợn. Dự án đã cam kết hỗ trợ Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc Bộ NN&PTNT để sản xuất thêm 3 chương trình dạy nghề nữa về các chủ đề: (i) sản xuất đệm lót sinh học cho chăn nuôi; (ii) sản xuất thức ăn chăn nuôi từ phế phụ phẩm trồng trọt; và (iii) sản xuất than sinh học từ phế phụ phẩm trồng trọt. Đoàn Giám sát thấy rằng một số chủ đề ở đây trùng với một số chủ đề trong các gói nghiên cứu nhưng ở quy mô hộ gia đình và không được phát triển một cách toàn diện theo cấp độ chuỗi giá trị như trong các gói nghiên cứu.

Bảng 7: Số người được đào tạo về CSAWMP (tính đến 31/3/2017)

| | Tỉnh | Số người được đào tạo về CSAWMP (Hợp phần 3) | | | |
|----|------------------|--|--------------|--------------------|-----------------------|
| | | Nông dân | Nông dân nữ | Cán bộ khuyến nông | Cán bộ khuyến nông nữ |
| 0 | CPMU | | | 236 | 54 |
| 1 | Lao Cai | 537 | 203 | 18 | 3 |
| 2 | Son La | 148 | 83 | 212 | 93 |
| 3 | Phu Tho | 845 | 528 | | |
| 4 | Bac Giang | 900 | 615 | 37 | 21 |
| 5 | Nam Dinh | 1,819 | 919 | | |
| 6 | Ha Tinh | 33 | 15 | 599 | 323 |
| 7 | Binh Dinh | 669 | 107 | 352 | 58 |
| 8 | Tien Giang | 1,074 | 756 | | |
| 9 | Ben Tre | | | 322 | 60 |
| 10 | Soc Trang | 1,005 | 338 | | |
| | Tổng | 7,030 | 3,564 | 1,776 | 612 |
| | Phần trăm | | 50.70% | | 34.46% |

27. Hành động cần thực hiện:

- (i) CPMU đẩy nhanh quá trình đấu thầu các gói nghiên cứu 25-29 để các hợp đồng của các gói này có thể được ký vào Quý III, 2017.
- (ii) CPMU phân bổ lại ngân sách của gói nghiên cứu 30 đã bị hủy cho các gói khác. Kế hoạch đấu thầu cũng cần được cập nhật theo.
- (iii) CPMU gửi Báo cáo đánh giá thầu của gói 32 cho ADB để xem xét. Hợp đồng của gói này dự kiến được ký vào tháng 5/2017.
- (iv) CPMU phát hành HSMT của các gói hậu kiểm khác từ gói 33 đến 38. Hợp đồng của các gói này dự kiến được ký vào tháng 7/2017.

Hợp phần 4: Quản lý dự án hiệu quả

28. **Mục tiêu sửa đổi sau ĐGGK.** Các chỉ số chất lượng thực hiện chính của hợp phần này là: (i) Thành lập một Ban QLDATEW (CPMU) và 10 PPMU (PPMU) và đưa vào hoạt động với đầy đủ cán bộ và trang thiết bị tại Bộ NN&PTNT vào quý 1 năm 2013. Ít nhất 30% cán bộ là nữ và cán bộ đầu mối về giới được chỉ định vào năm 2014; và (ii) Hệ thống giám sát đánh giá dự án (PPMS) bao gồm các số liệu về giới và dân tộc thiểu số được thu thập và báo cáo vận hành hiệu quả ở 10 tỉnh vào năm 2015.

29. **Tiến độ. CPMU và PPMU.** CPMU và 10 PPMU đã được thành lập vào quý 2 năm 2013 và có đầy đủ cán bộ. Tính đến 31/3/2017, 55 trên tổng số 124 cán bộ (tương đương với 44,35%) của CPMU và PPMU là nữ. Cán bộ đầu mối về giới đã được chỉ định vào tháng 7/2016.

30. **Tư vấn thực hiện dự án (LIC).** Nhóm LIC (trước đây gọi là Dịch vụ tư vấn quản lý dự án) mãi đến tháng 11/2015 mới được huy động (30 tháng sau khi hiệp định vay có hiệu lực). Từ khi huy động, công ty tư vấn đã thay thế 9 trên 24 chuyên gia do các lý do cá nhân của các chuyên gia. Đoàn giám sát lưu ý rằng sự thay thế thường xuyên này đã làm gián đoạn quá trình triển khai dự án. Tuy nhiên, đoàn cũng thấy rằng nhóm LIC hiện nay đã có đầy đủ nhân sự và đang hỗ trợ CPMU và các PPMU rất tốt.

C. Đấu thầu xây lắp, hàng hóa và dịch vụ tư vấn

31. **Tiến độ.** Tổng giá trị hợp đồng đấu thầu xây lắp, hàng hóa và dịch vụ đã thực hiện là 3,37 triệu US\$, khoảng 5% tổng chi phí dự án (66,498 triệu US\$). Những hợp đồng chính đã ký gồm Dịch vụ tư vấn quản lý dự án, Kiểm toán dự án, Các tư vấn cá nhân, Điều tra cơ bản, Phần mềm kế toán, Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu, Bộ bản đồ về các vùng nông nghiệp, Phim tài liệu và Tài liệu về CSAWMP. Dựa trên Kế hoạch đấu thầu mới nhất đã được duyệt, các gói thầu chính trong 18 tháng tiếp theo gồm Đánh giá các Chuỗi giá trị khí sinh học, 5 gói nghiên cứu, thiết bị quan trắc môi trường chăn nuôi và quản lý cơ sở dữ liệu khí sinh học, hệ thống thư viện điện tử (2 gói), Kiểm toán dự án (Giai đoạn 2), phần mềm Giám sát và Đánh giá Dự án cho CPMU và 10 PPMU, và 7 gói trình diễn, với tổng số vốn 11,35 triệu US\$.

32. **Phát hiện.** Đoàn đánh giá ghi nhận sự lo ngại về tiến độ đấu thầu của hầu hết các gói bao gồm 5 gói nghiên cứu, Thiết bị giám sát môi trường chăn nuôi và quản lý cơ sở dữ liệu khí sinh học, gói dịch vụ tư vấn thư viện điện tử, Phần mềm giám sát và đánh giá dự án cho CPMU và 10 PPMU, và 7 gói mô hình trình diễn. Các gói này bị chậm tiến độ rất nhiều do năng lực hạn chế của EA trong việc lập hồ sơ mời thầu và thủ tục phê duyệt của APMB. Kế hoạch đấu thầu cập nhật trong Phụ lục 3 bao gồm một số thay đổi về phương thức đấu thầu (gói nghiên cứu 25 và 26), thay đổi số lô thầu (gói nghiên cứu 36) hoặc bổ sung gói (gói phổ biến thông tin 39 và 40).

D. Giám sát đánh giá dự án và báo cáo

33. **Phát hiện.** Những vấn đề tồn đọng được nêu trong các Báo cáo quý của dự án và Báo cáo phục vụ Đoàn đánh giá vẫn còn tồn tại. Các báo cáo này chủ yếu tập trung vào các hoạt động mà thiếu sự giải thích rõ ràng về việc các hoạt động này có đóng góp như thế nào đối với các mục tiêu sản phẩm và kết quả. Ngoài ra, sự không nhất quán về số liệu trong các báo cáo cũng phản ánh sự thiếu nhất quán trong việc ghi chép số liệu ở thời điểm chốt cho trước. Chuyên gia Giám sát và đánh giá (M&E) quốc tế thuộc nhóm LIC đã được huy động vào tháng 10/2016 và chuyên gia này đã dự thảo báo cáo để cải thiện hệ thống M&E cũng như biểu mẫu báo cáo. Tuy nhiên, biểu mẫu báo cáo này chưa được CPMU và ADB phê duyệt.

34. **Hành động cần thực hiện.** CPMU và LIC hoàn tất mẫu báo cáo để gửi ADB cho ý kiến nhận xét vào tháng 5/2017. Các mẫu báo cáo này sẽ được CPMU và các PPMU sử dụng để làm báo cáo quý và báo cáo phục vụ Đoàn đánh giá.

E. Chi phí và giải ngân dự án

35. **Ký hợp đồng và giải ngân.** Theo Dịch vụ thông tin tài chính khoản vay của ADB, tính đến 31/3/2017, giá trị trao thầu lũy kế là 12,449 triệu US\$ so với 66,498 triệu US\$ tổng giá trị khoản vay, tương đương với 18,72% so với khoảng thời gian đã trôi qua là 66%. Tính đến 31/3/2017, giá trị giải ngân lũy tiến là 15,272 triệu US\$ so với 66,498 triệu US\$ tổng giá trị khoản vay, tương đương với 22,97% so với khoảng thời gian đã trôi qua là 66%. Số tiền giải ngân bao gồm Khoản tạm ứng vào Tài khoản tạm ứng là 3,500 triệu US\$ cho CPMU và 3,400 triệu US\$ cho 2 định chế tài chính nhưng không bao gồm 1 đơn rút vốn có giá trị 1,490 triệu US\$. Tuy nhiên, theo số liệu của CPMU thì giá trị trao thầu đã ký là 14,325 triệu US\$ và số tiền giải ngân là 12,056 triệu \$ không bao gồm Khoản tạm ứng vào Tài khoản tạm ứng là 6,900 triệu US\$.

36. **Phân bổ vốn ODA 2017.** Việc MOF và UBND các tỉnh chậm phân bổ vốn ODA cho CPMU và các PPMU đã gây ra nhiều khó khăn cho quá trình thực hiện dự án, đặc biệt là công tác giải ngân. Không có hoạt động giải ngân nào được thực hiện trong Quý I năm 2017 do thiếu phân bổ vốn ODA. Tính đến 31/3/2017, tất cả các PPMU ngoại trừ Nam Định và Sóc Trăng đã nhận được quyết định phân bổ vốn từ UBND tỉnh. Mức trần giải ngân cũng là một vấn đề với CPMU khi nhu cầu vốn ODA vượt quá khoản được phân bổ.

Bảng 8: Thực trạng phân bổ vốn ODA (tính đến 31/3/2017)

Đơn vị: triệu VND

| TT | Nội dung | Phân bổ ODA | Nhu cầu ODA | Thiếu hụt |
|----|-------------|----------------|----------------|---------------|
| 1 | CPMU | 7.700 | 58.150 | 50.450 |
| 2 | Son La | 5.800 | 5.800 | 0 |
| 3 | Lao Cai | 14.200 | 14.200 | 0 |
| 4 | Phu Tho | 20.400 | 20.400 | 0 |
| 5 | Bac Giang | 12.800 | 12.800 | 0 |
| 6 | Nam Dinh | 10.300 | 10.300 | 0 |
| 7 | Ha Tinh | 14.400 | 14.400 | 0 |
| 8 | Binh Dinh | 14.600 | 14.600 | 0 |
| 9 | Tien Giang | 7.800 | 7.800 | 0 |
| 10 | Ben Tre | 8.300 | 8.300 | 0 |
| 11 | Soc Trang | 9.000 | 9.000 | 0 |
| | Tổng | 125.300 | 175.750 | 50.450 |

37. Các hợp đồng được ký và Dự báo giải ngân cho đến cuối dự án được lập dựa trên Kế hoạch triển khai dự án chi tiết của CPMU, 10 PPMU, và 3 Định chế tài chính được trình bày trong Phụ lục 4.

38. **Báo cáo tài chính được kiểm toán.** Báo cáo kiểm toán tiếp theo sẽ được lập vào ngày 30/6/2017. Đoàn giám sát đã nhắc nhở EA phải nộp Báo cáo tài chính được kiểm toán đúng thời hạn.

39. **Vốn đối ứng.** Dự án báo cáo là vốn đối ứng đã được cấp đầy đủ cho năm 2017. Vốn đối ứng lũy kế đã cung cấp tính đến cuối tháng 3/2017 là 31,225 tỷ VND (tương đương với 1,387 triệu US\$).

40. **Hành động cần thực hiện.**

- (i) CPMU cần gửi yêu cầu phát hành Bảng tổng hợp Hợp đồng dự án (PCSS) và Đơn rút vốn thường xuyên hơn để thu hẹp sự chênh lệch về số liệu giữa ADB và CPMU và tăng hệ số vòng quay.
- (ii) UBND tỉnh Nam Dinh và Soc Trang ra quyết định phân bổ vốn ODA cho 2 PPMU để các PPMU này có thể xử lý Đơn rút vốn.
- (iii) MOF bổ sung phân bổ vốn ODA cho CPMU khi nào có cập nhật về phân bổ vốn ODA.

F. Tuân thủ với các thỏa thuận vay vốn

41. Đoàn đánh giá thấy rằng các thỏa thuận vay vốn nhìn chung được tuân thủ. Kế hoạch cập nhật về các thỏa thuận này được trình bày trong **Phụ lục 5**.

G. Vấn đề môi trường

42. **Mục tiêu ban đầu.** Mục tiêu của dự án là làm giảm ô nhiễm từ chất thải nông nghiệp bằng cách sử dụng CSAWMP. Dự án có mục đích hỗ trợ xử lý chất thải nông nghiệp và hộ gia đình nông thôn thành năng lượng sạch và sản xuất phân bón hữu cơ từ phụ phẩm khí sinh học, và phổ biến, tăng cường và đa dạng hóa kiến thức để áp dụng CSAWMP. Dự án có mục tiêu giám sát môi trường của ít nhất 5% số hầm KSH quy mô nhỏ.

43. **Tiến độ.** Dự án nhìn chung có tác động tích cực đến môi trường, cải thiện vệ sinh môi trường ở cấp hộ gia đình và cộng đồng, hỗ trợ các xã đạt được các tiêu chí môi trường của chương trình “Nông thôn mới”, thông qua cải thiện công tác quản lý chất thải chăn nuôi, giảm ô nhiễm nước và không khí từ nông nghiệp cũng như giảm khí nhà kính từ quản lý chất thải. Dự án cũng góp phần tăng cường năng lực ở cấp tỉnh, huyện và xã trong việc quản lý chất thải nông nghiệp. Đoàn đánh giá thấy rằng dự án đã điều tra từ 8,2% (Lao Cai) lên 21% số hầm KSH quy mô nhỏ (ở Sơn La), vượt mục tiêu giám sát. Để tiếp tục thực hiện các vấn đề về môi trường đã nêu trong ĐGGK, cần phải thành lập một Đơn vị môi trường để tăng cường năng lực quản lý môi trường, theo dõi và báo cáo.

44. **Phát hiện.** Dự án đã góp phần cải thiện vệ sinh môi trường và tạo ra năng lượng sạch và giảm phát thải khí nhà kính ở 10 tỉnh thông qua việc xây dựng các công trình KSH quy mô nhỏ ở cấp hộ gia đình và cấp xã để đạt được tiêu chí môi trường Nông thôn mới.

45. Tuy nhiên, một số vấn đề đã được phát hiện đối với các hầm KSH quy mô nhỏ trong lần ĐGGK lần trước vẫn chưa được giải quyết, chẳng hạn như (i) xử lý nước thải sau hầm KSH chưa phù hợp trước khi xả vào nguồn nước mặt; (ii) quá tải chất thải rắn trong các hầm KSH quy mô nhỏ dẫn đến làm giảm hiệu quả hầm KSH và gia tăng ô nhiễm nước từ nước thải sau hầm khí sinh học. Vấn đề quá tải thường xuyên xuất hiện ở các tỉnh có các hộ gia đình sử dụng loại hầm composite có dung tích từ 7 đến 9 m³ như ở Sơn La và Sóc Trăng, trong đó vấn đề xử lý nước thải sau hầm KSH ở tỉnh Sóc Trăng nghiêm trọng hơn. Đoàn đánh giá chưa đến thăm bất kỳ hầm KSH quy mô vừa và lớn nào do dự án hỗ trợ ở Sóc Trăng và Sơn La vì chưa có hầm quy mô vừa và lớn nào được thi công và vận hành. Tuy nhiên, khi đến thăm các hầm quy mô lớn do chủ trang trại tự đầu tư ở hai tỉnh này, được đăng lý làm mô hình thí điểm CSAWMP, thì các vấn đề về thừa khí sinh học và/hoặc khí sinh học không được đốt hết là rất rõ ràng.

46. **Hành động cần thực hiện.** Những hành động sau đây được khuyến nghị cần thực hiện để đảm bảo tuân thủ an toàn môi trường và đạt được các mục tiêu của dự án về giảm ô nhiễm từ chất thải nông nghiệp bằng cách sử dụng CSAWMP.

- (i) CPMU và tư vấn an toàn môi trường và tư vấn kỹ thuật khí sinh học của LIC phải đưa ra hướng dẫn, cung cấp dịch vụ đào tạo và dịch vụ tư vấn cho các PPMU để giúp các hộ gia đình quản lý việc xử lý phụ phẩm khí sinh học trước khi xả ra môi trường hoặc sử dụng làm phân bón, cũng như khắc phục vấn đề quá tải hầm KSH quy mô nhỏ.
- (ii) Đối với hầm KSH quy mô vừa, ngoài việc Đánh giá nhanh môi trường (REA) và biểu phân loại môi trường, cần phải có một Kế hoạch Giám sát môi trường (EMP) với các biện pháp cụ thể về việc giảm xả khí sinh học vào không khí và/hoặc đốt khí sinh học thừa, cũng như sử dụng phụ phẩm KSH và chất thải chăn nuôi cho nông nghiệp.
- (iii) Một phương pháp tiếp cận toàn diện về chuỗi giá trị khí sinh học và áp dụng CSAWMP phải được xem như một giải pháp tổng thể cho dự án để đáp ứng

được các mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính và cải thiện chất lượng môi trường.

H. Các vấn đề chính sách an toàn xã hội

47. **Các mục tiêu ban đầu.** Mục tiêu xây dựng ít nhất 5% hầm KSH cỡ nhỏ cho người dân tộc thiểu số (DTTS) trong Khung giám sát và đánh giá (DMF) vẫn chưa đạt được tại 3 tỉnh được lựa chọn là Sơn La, Bắc Giang, và Sóc Trăng (Tổng công trình KSH cỡ nhỏ đã xây cho người DTTS tại 3 Tỉnh mục tiêu là 2.166 trên tổng số 45.869 công trình KSH cỡ nhỏ cho toàn Dự án, tương đương với 4,7%), tính đến 31 tháng 3 năm 2017. Tuy nhiên, tổng công trình KSH cỡ nhỏ xây cho người DTTS tại 5 tỉnh có người DTTS (thêm tỉnh Lào Cai và Phú Thọ) là 3.135, tương đương 6,8%.

48. **Tiến độ.** Đến ngày 31 tháng 3 năm 2017, những kết quả trong triển khai Dự án đối với người DTTS được tổng kết như sau. Chi tiết xem **Phụ lục 6**.

49. Tổng số có 3.135 công trình KSH cỡ nhỏ cho người DTTS, tương đương với 6,8% trên tổng số công trình KSH tại 5 tỉnh có người DTTS (bao gồm 3 tỉnh mục tiêu là Sơn La, Bắc Giang, và Sóc Trăng và 2 tỉnh khác có số người DTTS đáng kể là Lào Cai và Phú Thọ). Tiến độ xây dựng công trình KSH cỡ nhỏ cho hộ dân theo 3 tiêu chí đang trong giai đoạn lên danh sách những hộ gia đình đạt tiêu chí (nghèo/ cận nghèo, dân tộc thiểu số và/ hoặc hộ gia đình có phụ nữ là trụ cột gia đình) bởi các PPMU theo hướng dẫn của Ban QLDA Trung ương đã gửi cho các PPMU vào giữa tháng 4.

50. Các hoạt động thông tin, tuyên truyền: Tính đến ngày 31 tháng 3 năm 2017, nhằm phục vụ cho mục đích thông tin tuyên truyền, các PPMU đã xây dựng và tổ chức:

- Hội nghị, hội thảo: 431
- Chương trình truyền hình: 101
- Chương trình truyền thanh (có tiếng Dân tộc): 4.436
- Bài báo: 123
- Tờ rơi: 130.000
- Bảng thông tin: 4.641
- Poster: 19.500;
- Video clip: 25;
- Banner: 200;
- Sổ tay: 100

51. Dự án đã tổ chức tập huấn đào tạo về vận hành công trình KSH và CSAWMP cho người tham gia để quản lý chăn nuôi và chất thải. Tính đến ngày 31 tháng 3 năm 2017, 1.220 người DTTS trên tổng số 8.570 hộ gia đình đã được đào tạo về CSAWMP tại 10 tỉnh (tương đương với 14,02% trên tổng số người được đào tạo về CSAWMP). 2.839 người DTTS được đào tạo về vận hành KSH, tương đương với 6,1% trên tổng số.

52. Dự án đã tổ chức đào tạo giảng viên (ToT) cho 1.776 cán bộ khuyến nông về CSAWMP. Trong số đó, 209 người là DTTS (tương đương với 35,9% trên tổng số học viên).

53. Tính đến ngày 31 tháng 3 năm 2017. 2 định chế tài chính đã cấp tín dụng cho 341 người tham gia ở Bắc Giang, Lào Cai, và Bình Định; trong đó có 92 người DTTS, tương đương với 27% trên tổng số người được tiếp cận nguồn vốn này.

54. **Các phát hiện.** Mọi hoạt động cho người DTTS được duyệt trong Kế hoạch phát triển người DTTS (IPDP) đã được đưa vào trong các hoạt động của Dự án và Dự án có tác động tích cực lên cá nhân và cộng đồng người DTTS. Người DTTS được tham gia vào mọi hoạt động của Dự án như người Kinh. Thông qua chuyến đi thực địa và phỏng vấn người DTTS thụ hưởng, chính quyền địa phương và các PPMU, Đoàn đánh giá phát hiện Tỉnh Sóc Trăng đã hỗ trợ người DTTS bằng cách cung cấp phiên dịch viên tiếng Dân tộc trong quá trình tập huấn, đào tạo; hỗ trợ người DTTS về quy trình cho vay tín dụng của Ngân hàng chính sách và xã hội thông qua chương trình khác với sự hỗ trợ của các hợp tác xã, xã huyện Dự án. Đoàn đánh giá không nhận thấy có hoạt động cụ thể nào dành cho người DTTS tại tỉnh Sơn La.

55. Rất nhiều hoạt động thông tin tuyên truyền đã được thực hiện tại 10 tỉnh, nhưng không có hoạt động truyền thông cụ thể nào dành cho người DTTS. Ngoài ra, công tác tham vấn người DTTS trước khi tập huấn chưa được triển khai và đánh giá sau tập huấn đối với người DTTS chưa được thực hiện.

56. Theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá giữa kỳ, Tư vấn về Giới và DTTS thuộc LIC đã được huy động và hỗ trợ cho CPMU và các PPMUPPMU trong báo cáo. Giám sát nội bộ đầu tiên về triển khai IPDP đã trình cho ADB vào tháng 1 năm 2017;

57. Thông qua phỏng vấn đại diện của chính quyền địa phương, các PPMU, Đoàn thấy rằng các chính quyền địa phương cũng như các PPMU chưa có hiểu biết đầy đủ về các yêu cầu trong IPDP;

58. Như thống nhất trong Đánh giá giữa kỳ, các tỉnh khác thuộc Dự án có số người DTTS đáng kể (Lào Cai, Bình Định, Phú Thọ và Hà Tĩnh) cũng cần ưu tiên hỗ trợ người DTTS trong phạm vi Dự án. Tuy nhiên, tỉnh Hà Tĩnh và Bình Định đã kiến nghị với Đoàn về việc không có hộ gia đình DTTS tại các khu vực của Dự án, bởi vậy 2 tỉnh không thực hiện các hoạt động trong IPDP dành cho người DTTS theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá giữa kỳ.

59. **Các hành động cần thiết.**

- (i) Đề nghị các PPMU (i) phổ biến IPDP cho xã huyện thuộc Dự án; (ii) chuẩn bị kế hoạch chi tiết triển khai các yêu cầu đề ra trong IPDP để khuyến khích người DTTS tham gia vào các hoạt động trong IPDP, đặc biệt là tăng số lượng công trình KSH cỡ nhỏ cho người DTTS, số người DTTS tham gia vào các lớp đào tạo tập huấn về vận hành KSH và CSAWMP, số người DTTS tham gia vào trình diễn CSAWMP, đào tạo nghề về sinh kế thay thế liên quan đến KSH và quản lý chuỗi giá trị KSH cho người DTTS; (iii) tăng cường các hoạt động truyền thông trực tiếp đến người DTTS, bao gồm phổ biến thông tin Dự án đến cấp làng, xã; (iv) Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội để hỗ trợ các hộ DTTS tiếp cận được với tín dụng thuộc Dự án; (v) Hà Tĩnh và Bình Định được đề nghị rà soát lại và chuẩn bị báo cáo về DTTS tại các khu vực Dự án và trình cho LIC/CPMU để đánh giá, sau đó trình cho ADB giải thích lý do vì sao không có hoạt động DTTS được triển khai theo các yêu cầu trong IPDP như kiến nghị của Đoàn đánh giá giữa kỳ;
- (ii) Cán bộ xã hội của các PPMU dưới sự hỗ trợ của Tư vấn Giới và DTTS cùng cán bộ xã hội của CPMU tiến hành (i) giám sát triển khai các hoạt động trong IPDP dành cho người DTTS; (ii) cập nhật định kỳ theo hệ thống báo cáo hiện nay; (iii) phối hợp với các chính quyền địa phương tổ chức họp tham vấn người DTTS trước khi đào tạo tập huấn để đảm bảo cung cấp thông tin và giáo trình tập huấn theo ngôn ngữ dễ hiểu và phù hợp đối với trình độ đọc viết của người DTTS. Số lượng tập huấn cho người DTTS có thể tăng sau khi tham vấn người DTTS.
- (iii) Đề nghị CPMU (i) hỗ trợ kịp thời các PPMU trong mọi hoạt động thuộc IPDP như đào tạo, thông tin tuyên truyền, và các hoạt động khác; (ii) giám sát triển khai IPDP theo như kế hoạch; (iii) trình ADB giám sát nội bộ IPDP thứ 2 vào tháng 7

năm 2017, trong đó cập nhật bảng giám sát của IPDP, chi tiết tiến độ triển khai các hoạt động vẫn chưa được thực hiện tính đến tháng 4 năm 2017, báo cáo tách biệt số lượng hộ gia đình theo 3 tiêu chí đã xây hầm KSH cỡ nhỏ.

I. Các vấn đề về Giới

60. **Các mục tiêu điều chỉnh theo Đánh giá giữa kỳ:** Các mục tiêu chính trong kế hoạch hành động về Giới (theo thoả thuận) bao gồm (i) ít nhất 20% những người được đào tạo về quản lý KSH và các vấn đề kỹ thuật là phụ nữ; (ii) ít nhất 7% những người được đào tạo và cấp chứng nhận thợ xây cho công trình KSH cỡ nhỏ là phụ nữ (iii) ít nhất 50% những người được đào tạo về sử dụng công nghệ KSH và vận hành & bảo dưỡng là phụ nữ; (iv) ít nhất 50% người được đào tạo về quản lý trang trại và quản lý chất thải trong các trang trại là phụ nữ; (v) ít nhất 15% người được đào tạo về công trình KSH cỡ vừa và lớn là phụ nữ; (vi) ít nhất 50% những người nhận tín dụng từ các Định chế tài chính đăng ký tên chung vợ và chồng hoặc phụ nữ đứng ra đại diện; (vii) ít nhất 50% đơn đăng ký chính thức xây hầm khí sinh học dưới tên chung vợ và chồng hoặc phụ nữ đứng ra đại diện; (viii) 30% các đề tài nghiên cứu liên quan đến các vấn đề về Giới kết nối với công trình KSH; (ix) ít nhất 30% những người được chọn cho nghiên cứu và trình diễn công nghệ CSAWMP là phụ nữ; (x) giáo trình tập huấn về công nghệ CSAWMP và phương pháp phổ biến phải thân thiện với phụ nữ và ít nhất 30% các hoạt động phổ biến và tham vấn có sự tham gia của các nhóm chỉ có phụ nữ; (xi) cơ sở dữ liệu phân tách theo giới và dân tộc thiếu số được thiết lập như một phần của hệ thống giám sát thực hiện dự án PPMS do CPMU xây dựng; (xii) 30% cán bộ của CPMU và PPMU là phụ nữ và mỗi PPMU có 1 đầu mối về Giới; và (xiii) các chỉ số về giới được đưa vào trong khung giám sát đánh giá chung của toàn Dự án.

61. **Tiến độ.** Theo bảng giám sát GAP cập nhật, hoạt động triển khai GAP của Dự án đang theo đúng kế hoạch, với:

- 40% các hoạt động (2 trên 5) đã thực hiện, 60% các hoạt động (3 trên 5) đang triển khai; và 1 hoạt động chưa thực hiện. Tổng số hoạt động: 6
- 10% các mục tiêu (1 trên 10) đã thực hiện; 60% các mục tiêu (6 trên 10) có khả năng hoàn thành cao; 30% các mục tiêu (3 trên 10) khó có khả năng hoàn thành và 2 mục tiêu chưa triển khai. Tổng mục tiêu: 12.

62. **Các kết quả chính bao gồm:** i) 24 lớp tập huấn về quản lý KSH và các vấn đề kỹ thuật cho kỹ thuật viên tại 10 tỉnh với 277 nữ/1.180 người tham gia (23,5%, cao hơn mục tiêu 20%); (ii) 14 lớp tập huấn về xây dựng công trình KSH nhỏ với 19/375 nữ tham gia (5,0% , thấp hơn mục tiêu 7%); (iii) 1.682 lớp tập huấn về sử dụng công nghệ KSH và vận hành bảo dưỡng với 46.716 người tham gia và 36.161 người được hướng dẫn tại nhà. Tổng số là 82.877 trong đó 40.607 nữ (49%, thấp hơn mục tiêu 50%); (iv) 3.564/7.030 nữ tham gia khoá tập huấn về quản lý trang trại và chất thải trong các trang trại cho nông dân (50,7%, đã đạt mục tiêu 50%); (v) 2 lớp đào tạo về công trình cỡ vừa và lớn cho kỹ sư và đại diện của 10 nhà thầu với 4/38 nữ tham gia (10,2%, thấp hơn mục tiêu 15%); (vi) và (vii) 341 người nhận tín dụng, trong đó 90 đăng ký dưới tài khoản chung vợ-chồng hoặc do phụ nữ đại diện (26%, thấp hơn mục tiêu 50%); (ix) 612/1.776 nữ cán bộ khuyến nông tham gia vào các lớp tập huấn về CSAWMP (34,5%, cao hơn mục tiêu 30%) ; (x) tài liệu tập huấn về công nghệ CSAWMP và phương pháp phổ biến có thân thiện với phụ nữ. (xi) 431 hội nghị, hội thảo được tổ chức, trong đó có 4 chương trình phổ biến và tham vấn có sự tham gia của riêng phụ nữ (1%, thấp hơn mục tiêu 30%); (xii) cơ sở dữ liệu phân tách theo giới và DTTS đã được xây dựng như một phần của hệ thống giám sát thực hiện Dự án bởi CPMU; (xiii) 124 cán bộ CPMU và PPMU trong đó 55 nữ cán bộ (44.4%, cao hơn mục tiêu 30%) và CPMU và mỗi PPMU đều đã có 1 đầu mối về Giới; và (xiv) 3 hội thảo nhạy cảm về Giới đã được thực hiện cho các đầu mối Giới của các PPMU với 142 người tham gia, trong đó 97 nữ (68%).

63. **Các phát hiện:** Các vấn đề sau đây được phát hiện trong quá trình đánh giá:

- (i) Tỷ lệ nữ tham gia vào các lớp tập huấn vẫn còn thấp so với mục tiêu dự án (xây dựng công trình KSH cỡ nhỏ: 5,0%, thấp hơn mục tiêu 7%; cỡ vừa (MBP) và lớn (LBP): 8,7%, thấp hơn mục tiêu 15%).
- (ii) Chỉ 1% các sự kiện thông tin tuyên truyền và tham vấn có sự tham gia của các nhóm chỉ có phụ nữ (thấp hơn mục tiêu 30%).
- (iii) Trong quá trình đi thực địa tại tỉnh Sóc Trăng, Đoàn đã ghi nhận:
 - a. PPMU Sóc Trăng đã tổ chức các hội nghị hội thảo giới thiệu Dự án và hướng dẫn những hộ tiềm năng tham gia vào Dự án về quy trình cho vay của Ngân hàng Chính sách và Xã hội và kết nối họ với Ngân hàng, các Ủy ban nhân dân xã (CPCs) và các hộ tiềm năng vay vốn. Bởi vậy, các quy trình hỗ trợ tài chính cho các hộ gia đình muốn vay vốn được diễn ra nhanh và đơn giản hơn.
 - b. Việc xây dựng các công trình KSH đã thay đổi nhận thức của người chăn nuôi về thói quen kiểm soát chất thải, theo đó chất thải cần được xử lý trước khi thải ra môi trường và sử dụng KSH như nguồn năng lượng thay thế cho nấu nướng. Điều này đã góp phần vào cải thiện tình trạng môi trường, sức khỏe con người, và đặc biệt là người phụ nữ.
 - c. Tỷ lệ nữ tham gia vào các lớp đào tạo thấp hơn mục tiêu Dự án (đào tạo về công nghệ KSH và vận hành-bảo dưỡng với 782/3.103 nữ tham gia (25,2%), xây dựng công trình KSH cỡ nhỏ: 1/57 nữ tham gia (2,7%); các vấn đề kỹ thuật và quản lý KSH: 3/73 nữ tham gia (3%).

64. Các hành động cần thực hiện.

- (i) CPMU và các PPMU giám sát và khuyến khích sự tham gia của phụ nữ vào các lớp tập huấn để hoàn thành các mục tiêu GAP.
- (ii) Các PPMU cần tổ chức các sự kiện phổ biến, tham vấn để thông tin về Dự án cũng như công nghệ CSAWMP và để đảm bảo 30% các hoạt động phổ biến, tham vấn có sự tham gia của riêng phụ nữ và tổ chức thông qua các cuộc họp của Hội phụ nữ xã theo đó các nhóm chỉ có phụ nữ được tổ chức.
- (iii) Các PPMU cần hướng dẫn người nhận tín dụng rằng tên tài khoản của người nhận tín dụng cần được đăng ký dưới tên chung của vợ- chồng hoặc chỉ của phụ nữ để đảm bảo mục tiêu 50% trong GAP.
- (iv) Đối với các đề tài nghiên cứu, tư vấn về Giới cần phối hợp với CPMU và các nhà thầu trong việc triển khai các hoạt động nghiên cứu này để đảm bảo 30% các đề tài nghiên cứu của Dự án có liên quan đến vấn đề phụ nữ.
- (v) CPMU và các PPMU tổ chức tập huấn nhận thức giới và tóm tắt GAP cho các cán bộ Dự án chủ chốt (ít nhất điều phối viên, đầu mối giới, cán bộ triển khai và kỹ thuật viên là một phần trong các lớp tập huấn mới).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG TIẾP THEO

65. Đoàn đánh giá nhắc lại sự lo ngại về tiến độ thực hiện dự án. Bảng sau đây trình bày các hoạt động được thống nhất thực hiện trước khi các Đoàn đánh giá tiếp theo

Bảng 9: Các hoạt động tiếp theo đã thống nhất

| ST T | Nội dung | Các hoạt động thống nhất | Khung thời gian | Đơn vị thực hiện |
|------|---|--|--|------------------|
| 1 | Hợp phần 1: Quản lý chất thải chăn nuôi | (i) Hỗ trợ những nỗ lực của Chương trình KSH quốc gia (NBP) trong việc bán tín chỉ CER từ các công trình KSH được hỗ trợ bởi Dự án | Tiếp tục triển khai cho đến khi kết thúc Dự án | BAN QLDA TW |
| | | (ii) Các quy trình và biểu mẫu kiểm tra ngẫu nhiên các công trình KSH được điều chỉnh để bao gồm các chỉ | Tháng 5 năm 2017 | BAN QLDA TW |

| ST T | Nội dung | Các hoạt động tổng nhất | Khung thời gian | Đơn vị thực hiện |
|------|--|--|------------------|--|
| | | số và báo cáo giám sát môi trường. | | |
| | | (iii) Việc đăng ký các công trình KSH theo khoản trợ cấp 3 triệu VND và 5 triệu VND cần được xem xét lại xem có thể đạt được mục tiêu 51.000 và 14.000 công trình KSH cỡ nhỏ không. Cung cấp hướng dẫn kỹ thuật về công trình KSH cỡ vừa cho người vận hành để đáp ứng được các yêu cầu. | Tháng 6 năm 2017 | BAN QLDA TW, Các Ban QLDA Tỉnh |
| | | (iv) Liên hệ với bên cung cấp phần mềm cơ sở dữ liệu để sửa lỗi sớm nhất có thể | Tháng 6 năm 2017 | BAN QLDA TW, Các Ban QLDA Tỉnh |
| | | (v) Phê duyệt Hồ sơ mời thầu Gói thầu số 14 | Tháng 5 năm 2017 | BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN NÔNG NGHIỆP |
| | | (vi) Trao thầu gói 14 | Tháng 7 năm 2017 | BAN QLDA TW |
| 2 | Hợp phần 2: Tín dụng cho chuỗi giá trị khí sinh học và các hạng mục quản lý chất thải nông nghiệp các bon thấp khác | (i) Hoàn thiện Hiệp định Dự án để ký kết | Tháng 5 năm 2017 | ADB |
| | | (ii) Tiếp tục cùng Bộ tài chính theo dõi việc đánh giá của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với Ngân hàng Chính sách và Xã hội | Tháng 5 năm 2017 | BAN QLDA TW |
| | | (iii) Ký hiệp định Dự án | Tháng 5 năm 2017 | ADB, NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH VÀ XÃ HỘI |
| | | (iv) Ký Hiệp định cho vay lại | Tháng 6 năm 2017 | NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH VÀ XÃ HỘI, BỘ TÀI CHÍNH |
| | | (v) Chuẩn bị chương trình thực hiện vốn vay phụ thực tiễn cho các quý III và IV năm 2017 | Tháng 6 năm 2017 | NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH VÀ XÃ HỘI |
| 3 | Hợp phần 3: Chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp | (i) Trao thầu cho các gói 25-29 | Q III 2017 | BAN QLDA TW |
| | | (ii) Trao thầu cho gói 32 mô hình trình diễn tiên kiểm | Tháng 5 năm 2017 | BAN QLDA TW |
| | | (iii) Trao thầu các gói mô hình trình diễn hậu kiểm, các gói 33-38 | Tháng 7 năm 2017 | BAN QLDA TW |
| 4 | Hợp phần 4: Quản lý Dự án | (i) Hoàn thiện mẫu báo cáo | Tháng 5 năm 2017 | BAN QLDA TW, LIC |
| | | (ii) Ban hành quyết định phân bổ vốn ODA cho các PPMU Sóc Trăng và Nam Định | Tháng 5 năm 2017 | UBND Tỉnh Sóc Trăng và Nam Định |
| | | (iii) Bổ sung phân bổ vốn ODA cho CPMU | Q III 2017 | BỘ TÀI CHÍNH |
| 5 | Các kiến nghị về an toàn môi trường | (i) Tổ chức lớp tập huấn cho các PPMU về an toàn môi trường | Tháng 5 năm 2017 | BAN QLDA TW/LIC |
| | | (ii) Đấu thầu trang thiết bị quan trắc | Tháng 7 năm | BAN QLDA |

| ST T | Nội dung | Các hoạt động tổng nhất | Khung thời gian | Đơn vị thực hiện |
|------|---|---|---|--|
| | | môi trường và bắt đầu giám sát tác động môi trường | 2017 | TW/PPMU |
| | | (iii) Huy động các tư vấn kỹ thuật KSH và an toàn môi trường thuộc LIC hỗ trợ các PPMU trong quản lý xử lý phụ phẩm KSH trước khi thải ra môi trường hoặc sử dụng làm phân bón | Tháng 5- tháng 6 năm 2017 | BAN QLDA TW/LIC/Các Ban QLDA Tỉnh |
| | | (iv) Huy động các tư vấn kỹ thuật KSH và an toàn môi trường thuộc LIC hỗ trợ các PPMU trong việc giải quyết vấn đề quá tải của công trình KSH cỡ nhỏ. | Tháng 5- tháng 6 năm 2017 | BAN QLDA TW/LIC/Các Ban QLDA Tỉnh |
| | | (v) Huy động các tư vấn kỹ thuật KSH và an toàn môi trường thuộc LIC giúp các PPMU chuẩn bị Kế hoạch giám sát môi trường EMP với các giải pháp giảm thiểu cụ thể, tránh thải khí gas ra khí quyển hoặc/và đốt khí gas thừa, cũng như sử dụng phụ phẩm KSH và chất thải chăn nuôi cho nông nghiệp. | May-June 2017 | BAN QLDA TW/LIC/Các Ban QLDA Tỉnh |
| 6 | Các kiến nghị về DTTS | i) Phổ biến IPDP đến xã, huyện thuộc Dự án; | Tháng 5 năm 2017 | |
| | | (ii) Chuẩn bị kế hoạch chi tiết triển khai các yêu cầu đưa ra trong IPDP | Tháng 5 năm 2017 | BAN QLDA TW/LIC/PPMU |
| | | (iii) Tăng cường các hoạt động truyền thông trực tiếp đến người DTTS, bao gồm thông tin tuyên truyền về Dự án ở cấp làng, xã; | Tiếp tục triển khai đến khi kết thúc Dự án | BAN QLDA TW/LIC/PPMU |
| | | (iv) Phối hợp với Ngân hàng Chính sách và Xã hội trong việc hỗ trợ các hộ DTTS tiếp cận tín dụng của Dự án; | Tiếp tục triển khai đến khi kết thúc Dự án | PPMU |
| | | (v) Đề nghị Hà Tĩnh và Bình Định kiểm tra lại và chuẩn bị báo cáo về DTTS ở các vùng Dự án và trình cho LIC/CPMU để xem xét trước khi trình cho ADB | Tháng 5 năm 2017 | BAN QLDA TW/LIC/Ban QLDA tỉnh Hà Tĩnh, Ban QLDA tỉnh Bình Định |
| | | (vi) Tổ chức họp tham vấn với người DTTS trước khi tập huấn để đảm bảo cung cấp thông tin và giáo trình đào tạo có ngôn ngữ phù hợp | Trước khi tập huấn | Các Ban QLDA Tỉnh/ chính quyền địa phương |
| | | (vii) Giám sát triển khai IPDP như kế hoạch và trình cho ADB giám sát IPDP nội bộ lần 2 vào tháng 7 năm 2017 | Tiếp tục triển khai và trình tháng 7 năm 2017 | BAN QLDA TW/ Các Ban QLDA Tỉnh |
| 7 | Các kiến nghị về Kế hoạch hành động về Giới (GAP) | (i) CPMU và các PPMU giám sát và khuyến khích nữ giới tham gia các lớp tập huấn để đạt được các mục tiêu của GAP | Tiếp tục triển khai đến khi kết thúc Dự án | |

| ST T | Nội dung | Các hoạt động tổng nhất | Khung thời gian | Đơn vị thực hiện |
|------|---------------|---|--|--|
| | | (ii) Các PPMU cần tổ chức các sự kiện thông tin, tham vấn để thông tin về Dự án và công nghệ CSAWMP và đảm bảo 30% các sự kiện phổ biến, tham vấn có sự tham gia của các nhóm chỉ có phụ nữ | Tiếp tục triển khai đến khi kết thúc Dự án | Các Ban QLDA tỉnh |
| | | (iii) Các PPMU cần hướng dẫn những người nhận tín dụng rằng tên tài khoản của người nhận tín dụng cần được đăng ký chung cả vợ và chồng hoặc chỉ riêng mình người phụ nữ để đảm bảo mục tiêu của Dự án là 50%. | Tiếp tục triển khai đến khi kết thúc Dự án | Các Ban QLDA tỉnh |
| | | (iv) Đối với các đề tài nghiên cứu, tư vấn Giới cần phối hợp với CPMU và các nhà thầu trong việc triển khai các nghiên cứu này để đảm bảo 30% đề tài nghiên cứu có liên quan đến vấn đề về Giới. | Tháng 12 năm 2017 | BAN QLDA TW, Tư vấn về Giới và các Nhà thầu |
| | | (v) CPMU và các PPMU tổ chức tập huấn nhận thức giới và tóm tắt GAP cho cán bộ dự án chủ chốt (ít nhất là cho điều phối viên, cán bộ đầu mối Giới, cán bộ triển khai và kỹ thuật viên là một phần của lớp tập huấn mới) | Tháng 12 năm 2017 | BAN QLDA TW, Các Ban QLDA Tỉnh và Tư vấn về Giới |
| 8 | Đoàn đánh giá | Đoàn đánh giá tiếp theo | Quý IV năm 2017 | ADB |

IV. LỜI CẢM ƠN

66. Đoàn đánh giá xin bày tỏ lời cảm ơn chân thành tới Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ NN&PTNT, BQL các Dự án Nông nghiệp và 10 đơn vị thực hiện vì đã hợp tác và giúp đỡ trong quá trình đánh giá. Đặc biệt, Đoàn đánh giá xin ghi nhận sự quan tâm của Thứ trưởng Lê Quốc Doanh ưu tiên giám sát chặt chẽ Dự án này.

Ký tại Hà Nội, ngày tháng 05 năm 2017, bởi:

Ông. Sanath D.B. Ranawanna

Chuyên gia Kinh tế Tài nguyên Thiên nhiên

Phòng Nông nghiệp, Tài nguyên thiên nhiên và Môi trường

Ngân hàng Phát triển Châu Á

Ông. Chu Văn Chương

Vụ phó

Vụ Hợp tác quốc tế

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Danh sách Phụ lục

| STT | Tên phụ lục |
|------------|---|
| 1 | Danh sách người tham gia |
| 2 | Tiến độ tổng thể dự án |
| 3 | Kế hoạch đấu thầu cập nhật |
| 4 | Kế hoạch Trao thầu và Giải ngân |
| 5 | Tuân thủ Hiệp định vốn vay |
| 6 | Kế hoạch phát triển DTTS cập nhật |
| 7 | Bảng giám sát Kế hoạch hành động về Giới cập nhật |